

SỐ 54 GIÁ D. 25 NGÀY 30 SEPTEMBRE 1948

NAM KỶ

Trần báo

Giám-đọc: HỒ-VĂN-TRUNG *
BÀO QUÁN 5 ĐƯƠNG-REIMS SAIGON — ĐIỆN-THOẠI SỐ 21.543



Chinh

Cliche' Con

TRÊN DU'ÔNG PHỤC-HÙNG

Da-Việt-Tạp-Chi số 5 ngày 1er Décembre 1942 và Nam-Kỳ Tuần-Báo số 42 ngày 8 Juillet 1943 có đăng bài nói về miếu Văn-Thánh ở Long-hồ. Hiện nay trong Nam-kỳ chỉ còn có một miếu ấy, kiến trúc hoàn thành năm 1866; lúc cụ Phan-Lương-Khe chấp quyền Kinh-Lược ba tỉnh Hương-Lầy, và cách hơn 40 năm nay có từ bỏ lại một lần, nhờ lòng ai mộ Nho-học của quan Chánh Tham-biện Masse và nhờ sức cố gắng của nho-gia trong tỉnh.

Hương-chức Hội-làng Long-hồ lãnh việc cai-quản và cùng tế, chớ không có lập hội riêng để chăm nom việc ấy.

Hôm ngày 21 Août 1943 tôi có hiệp cùng hai ông Đặng-thúc-Liêng và Trương-vĩnh-Tổng xuống Vinhlong thăm quan Chánh chủ tỉnh và xin phép viếng Văn-Thánh miếu Long-hồ. Vì nho-gia là nền tảng luân-lý của người Việt-Nam, nên quan Chánh chủ tỉnh Lespinasse rất sốt-sắng tán trợ chúng tôi trong việc quan sát này. Ngài phái quan Đốc-Phủ Chủ-quận Đờ-văn-Kiến đem chúng tôi đi viếng miếu Văn-Thánh và miếu Công-Thần.

Miếu Văn-thánh. - Miếu Văn-thánh ở cách châu-thành Vinh-long chừng một ngàn thước, dựa bên đường quán-hạt đi Trá-vinh đây của ra rạch Long-hồ, và cất trên một số đất rộng đến 2 mẫu rưỡi, giữa vùng vườn tược thành mật.

Ngang xe ngay cửa (hình đã đăng ngoài bia số báo trước) chúng tôi bước vào, trong lòng kính cẩn thận trong trước dấu tích của tiên-nhơn. Chúng tôi ghé trước mà viếng Văn-xương-Các, tòa nhà nằm dọc phía tay mặt, vừa qua khỏi cửa thì thấy liền; ấy là chỗ thờ lâu ngay trước để cho chư nho đọc sách, mà bây giờ thì để thờ cụ Phan-Lương-Khe và cụ Võ-trường-Toán. Chúng tôi chiêm bái tiên-nhơn rồi mới đi thẳng vào miếu Khổng-thánh cất ở trong sâu và ngo ngay ra cửa lớn (hình cũng đã đăng vào số báo trước).

Qua khỏi tam-bia đã dựng giữa đường có bài-ký của cụ Phan để hỏi năm Tự-Đức thứ 19 (có dịch đăng trong Đ.V.T.C. số 5) thì

tôi thán-khể miếu, vì đã có trang tu nên kiêu-vô không còn vẻ xưa, song cũng trang nghiêm u tịch.

Miếu cất kiểu một căn 2 chái, không được rộng lớn lắm. Trên xiên mỗi căn đều có treo khuôn biển và một cột đều có treo liền đối, toàn là dấu tích của nho-gia kính lạy. Bằng chủ ý hơn hết là tấm biển treo ngang chính giữa với 4 chữ « Đạo nhứt trung thiên » và cặp liền của cụ Học-bộ Thượng-thư Cao-xuân-Dục :

« Xuân thu hà đẳng cân khôn đọa tại
« ngũ kinh song nhứt nguyệt ;
- « Thù Tử biệt thành vô trụ, đồ qua lục
« tỉnh nhứt cung tường »
Đ.V.T.C. số 5 đã có dịch nôm cặp liền này rồi.

Chánh căn giữa, có tiêu tưng và bài vị Tiên-sư Khổng thánh. Hai bên khánh thờ có cặp liền nhỏ :

« Tự sanh dân đi lại vị hữu,
« Chi văn chương khả đắc nhi văn. »

Người ta nói cặp liền này ngày trước cụ Phan rút hai câu trong sách Luận Ngữ mà đặt ra đó.

Kèm hai bên khánh thờ, thì có bài vị Từ-Phối :

Bên hữu { Tôn Thánh Táng-Tử.
Á Thánh Mạnh-Tử.
Bên tả { Phục-Thánh Nhan-Tử.
Thuật Thánh Tử-Tư-Tử.

Trong 2 căn hai bên, thì có bàn thờ và bài vị thờ 12 tiên-hiền :

Bên hữu : Tử-Khiên, Tử-Cống, Tử-Hạ, Trọng-Cung, Tử-Lộ và Tử-Trượng.
Bên tả : Tử-Ngụy, Nhiêm-Câu, Tử-Nhược, Tử-Ngã, Tử-Du và Châu-Tử.

Trước bàn thờ Khổng thánh thì có nghi án theo lễ.

Ngoài miếu lớn có kèm 2 miếu nhỏ hơn bên, đối diện, để thờ 72 tiên-hiền, mỗi bên 36 vị. Thánh-miếu và rào đạo đều còn cũ, duy có tòa Văn-xương Các có lẽ cần phải sửa chữa ít.

Từ ngoài lộ vô thánh-miếu thì đất nhiều, nhưng có mương rãnh, lại không trồng trọt nên xem không đẹp mắt. Đối diện với Văn-xương-Các thì đất bỏ trống. Cuộc đất này bề ngang không rộng lắm, nhưng bề vô thì sâu, phía sau Thánh-miếu còn có ruộng nữa.

Miếu Công-thần. - Viếng xong miếu Văn-thánh rồi, quan Chủ-quận đưa chúng tôi đi viếng miếu Công-thần, là miếu mà ông bạn Khương-Việt đã nói trong bài « 25 ngày đi tìm dấu người xưa » đăng vào N.K.T.B. số 48 ngày 10 Août 1943.

Miếu Công-thần ở về phía bên rạch Long-hồ gần lộ Vinhlong-Chợ-lách, cách cầu Long-hồ chừng ngoài một ngàn thước. Miếu ở trong địa phận làng Long-dre-đông, đây của ra sông Cờ-Chiên. Kiểu vô thì cũng như một đình thờ thần thường, chẳng có vẻ xưa, mà cũng không có vẻ đẹp. Miếu nằm trong một khoảnh vườn, cách lộ chừng ít chục thước, quang cảnh không được trang nghiêm u tịch, đã không hiệp với

Trí ý của chúng tôi. - Trong hai ngày ở Vinhlong, chúng tôi có dịp hội đàm cùng nhiều nhà nho-học, nhà tân-học, nhà thần-hào tri-thức và nhà đại-thương Huê-kieu trong tỉnh, để trao đổi ý-kiến về cuộc phục-hưng luân-lý và văn-học.

Như đã có nói trong N.K.T.B. số 42 ngày 8 Juillet 1943, cách mấy tháng trước chúng tôi có tình tổ-chức lễ Thu-đình tại miếu Văn-thánh Long-hồ cho thiết long-trọng, để có dịp hội hiệp các nhà nho trong Nam-kỳ mà bàn nghị rồi cùng nhau quyết định chương-trình cùng cách hành-động đặt cái mục-dịch đã nói trước đó. Ủy-ban lo sắp đặt việc cúng tế với chương-trình về lễ Thu-đình đã được quan Chánh Chủ-tỉnh ưng thuận. Nói tới đây chúng tôi không thể không tỏ lời cảm-ơn quan Chánh và Phó Chủ-tỉnh, quan Chủ-quận cùng nhiều vị thần-hào Nam và Huê ở Vinh-long sẵn lòng muốn tán trợ chúng tôi dựng lễ-chức lễ Thu-đình cho có vẻ long-trọng đặc biệt.

Nếu chúng tôi phải xin cùng quan Chánh

...LUÂN-LÝ VÀ VĂN-HỌC

chờ thờ phụng những danh-thần tiền-dời, mà còn sợ e bực sống lỡ rồi kéo sập đi nữa.

Chúng tôi có xem cả 85 đạo sắc của nhiều triều Nguyễn ban mà phong thần, sắc cuốn để chung trong một ống thiếc kín đáo kỹ lưỡng nên không mục hay rách.

Những chiến-sĩ Việt-Nam, gốc ở Vinhlong, đã từ trận hồi giặc 1914-1918, cũng thờ trong miếu này, song chỉ có một bản vẽ lên họ vào tường bên chái, chớ không có hương-án và bài-vị.

Theo lời quan Chủ-quận, thì việc cúng tế miếu Công-thần về phần Hương-chức trong làng, cũng như việc cúng tế ở miếu Văn-thánh bên Long-hồ. Ngài công-nhân với chúng tôi miếu Công-thần ở đây là sai chỗ, và cũng công-nhân Hương-chức làng không đủ thể cách mà cúng tế bực Công-thần và đức Khổng-thánh, phần việc ấy thuộc của quan tỉnh hay là của một hội tế-tư là phải hơn.

Chủ-tỉnh vui lòng để cho Hương-chức làng Long-hồ cũng lễ Thu-đình như thường lệ, còn lễ-chức lễ lớn thì đình lại dịp khác, ấy là vì đến quang sát Văn-thánh miếu, chúng tôi thấy cần phải dọn dẹp sắp đặt nhiều công-phu rồi mới hội- hiệp chư nho-gia cùng những người ái-mộ Khổng-giáo được.

Trong vài tuần nay có ít tờ báo Pháp và Nam lưu ý đến việc tôi đờng tỉnh, lại đăng tin rằng tôi muốn văn hồi đạo Khổng trong xứ này và muốn lập hội, chọn Vinhlong là chỗ có sẵn Văn-thánh miếu để làm hội-sở, mà văn động đặng qui tụ tín-đồ Khổng-giáo. Tin ấy không phù hiệp với việc tôi tỉnh làm. Về cuộc văn hồi đạo Khổng, thì ở Gò-công đã có lập « Khổng-Tử tế-tư hội » mấy tháng nay, do ông Lê-quang-Liêm đút Bầy lãnh quyền Hội-trưởng. Tôi sanh trưởng trong tỉnh Gò-công, lại thuở nay tâm hồn bên giữ luân-lý Việt-Nam từ ngàn xưa xây dựng trên nền tảng

(Coi tiếp qua trang 13)

Bà Sương-nguyệt-Anh

DOC «Nữ-Giới-Chung» xưa kia, thỉnh thoảng, có một đôi bài thơ ký tên là «Sương-nguyệt-Anh». Tôi cảm thấy thơ «Sương-nguyệt-Anh» rất sâu sắc, du-dương, thâm-thúy; không kém gì thơ «Bà Huyện Thanh-Quần», cùng bà «Hồ-xuân-Hương».

Các bạn đọc, có biết bà Sương-nguyệt-Anh là ai chăng?

Thưa các bạn, Sương-nguyệt-Anh, là ai-nữ, của cụ Nguyễn-dinh-Chiêu tư Đồ-Chiêu, tác-giả quyển thơ bát-hử «Lục-Vân-Tiên», mà N.K.T.B. đã ra số đặc biệt, để kỷ-niệm ngày quá cố của nhà thi-sĩ, mù lòa, đã bao phen lều-chông, vào ra nơi trường ốc.

Cụ Đồ-Chiêu, có công vung trồng cho nền văn Việt-Nam, một quyển thơ kiệt tác.

Thời con ông, bà Sương-nguyệt-Anh, một nữ-sĩ, đã nêu Cao tên tuổi cho bọn quần-thoa trong văn-giới Việt-Nam; rằng nữ-nhi nào có kém gì các bậc mây râu đầu náo.

Đây, có lần đi viếng Điện-Bà (Tây-ninh), bà cùng đi với một vị quan-lớn và một giáo-sư. Bên cạnh rừng núi bao-la, hồn bà sống gần tạo vật, dựa mình vào gốc mai; chiêu-chích những bông; tức cảnh bà vịnh một bài:

Non linh đất phước trở hoa thân,
Riêng chiếm vườn hồng một cảnh xuân.
Tuyết đơm nhành tiên in sắc trắng,
Sương sa bóng Nguyệt ánh màu ngân.
Mây lạnh gió tanh vương hơi chính,
Vóc ngọc minh băng bắt khói trần.
Sắc nước hương trời, nên cảm mến,
Non linh đất phước trở hoa thân.

Tuy là nói vịnh «Hoa Mai» chứ kỳ thật, bà vịnh lấy bà thì phải hơn. Khi tiền thân ông Kinh-lịch Trần-khai-Sơ, dời về Sadec, bà lại làm một bài đưa tiễn:

Ngàn xưa đã mấy hội tao-phùng?
Sadec nay thấy tách cõi đông.
Phong cảnh mặc dầu chia đất khác,
Nắng mưa đâu cũng đợi trời chung.
Quê người tạm gọi nhành dương liễu,
Đường hoan xin tròn phận kiếm cung.
Cái tác râu mày thì phải vậy,
Nắng băng non Thái, nhẹ băng lòng.

Lời thanh-bai, ý cứng cật; nếu bà không để tên, ai dám nói là một bài thơ của hàng nữ-nhi yếu-ớt.

Lúc cao hứng, bà lại làm tặng ni cô, một bài thơ tả cảnh chùa, lời lẽ chải-chuốt, ý tứ thâm-trầm; cho ta thấy tác-giả, một người thi-tài rất hoàn toàn.

Văng-vội xa gần tiếng pháp-chung,
Tĩnh đời ấm lạnh, dễ nguôi lòng.
Am thanh thăm-thăm trần ai lặng,
Các tịnh lâu-lâu ngọc giá trong.
Cánh cửa từ-bi vương phận bạc,
Mảnh gương tế-độ nhuộm màu hồng.
Trời tây biển khổ xem ngao-ngán,
Tĩnh giấc hoàng-lương nguyệt nửa vòng.

Theo lời một ông bạn già thuật lại: «Bà Sương Nguyệt-Anh góa chồng trong thời kỳ bà còn trẻ tuổi; một quan Phủ mon-men định tâm bản-sẽ, mời gọi cho bà một bài thơ như dưới đây:

Phải gần với Nguyệt lúc lưng voi,
Đặng hỏi Hằng-ga nỗi sự đời.
Ở hạ mây mưa còn kém sắc,
Về thu non nước tổ cùng nơi.
Hãy trông Du-Lượng xây lầu nước,
Hoặc đợi Thanh-Liên cất chén vôi.
Vóc ngọc hà sơn con gió bụi,
Tài tình rõ mặt khá đưa chơi.
Bà có họa đáp lại:
Đờ g xa vòi-vòi dậm voi-voi;
Ngất nổi mây xanh ngàn sự đời.
Biển ái, sóng ân còn lắm lúc,
Mây ngàn, hạc nội biết là nơi?
Một giáy oan trái rồi vay trả,
Mấy cuộc tang thương há dãi đời!
Chước quỷ mưu thần âu những kẻ!
Gặp con nguy hiểm hờ dùa bơi.

Trả lời như thế, tỏ ra bà đã cương quyết làm, vậy mà bà còn họa lại một bài nữa còn gặc hơn:

Hết lúc trăng đầy đến lúc voi,
Dinh hư trong cuộc phải coi đời.
Vén mây bản thổ xa ngàn dặm,
Đáy nước cung thiên tổ khắp nơi.

(Coi tiếp trang 8)



VIII. - ĐI MỸ-THO (Tiếp theo)



RÈN đường Bến-tre Mỹ-Tho, cách ngã ba đi An-hóa độ bốn cây số ngàn, thuộc làng Quới-Sơn, có chùa «Hội-Tông» là một ngôi chùa cổ. Chúng tôi không thể bỏ qua, nên mặc dầu ngày giờ eo-hẹp cũng ghé vào viếng cảnh xưa. Và lại, theo lời truyền-khẩu, chùa «Hội-Tông» có liên-quan đến đoạn đời thất-quốc của Cao Hoàng.

Hai chữ «Hội-Tông» đã nêu lại cho người sau, chịu đề tâm đến dấu xưa tích cũ, hai đã-thuyết khó giải vì còn thiếu tài-liệu chắc chắn. Có người đã đoán «Hội-Tông» là chỉ nơi Nguyễn-Anh giấu gia-quyển tôn-thất trong hồi loạn-lạc. Có kẻ lại bàn «Hội-Tông» là chỗ qui tụ các tông-phái của Phật-giáo.

Chúng tôi đến viếng chùa chỉ vì lòng hiếu cổ, chớ không dám hi-vọng gỡ mối ngờ do hai chữ «Hội-Tông» gây ra. Đó là công việc của nhà khảo-cứu uyên-bác.

Chùa «Hội-Tông» có vẻ cổ-kinh và được trông-nom châu-đảo. Phía ngoài, vườn tược sơn-sơ vén-khéo; bên trong trang hoàng sạch-sẽ. Chúng tôi để ý như là bức chơn-dung của vị bồ-tà trong tổ mà người trong chùa bảo là do một tay thợ Tàu vẽ trên một trăm năm nay, và một cái chuông đúc trong tháng 11 năm Ất-sửu, Gia-Long thứ tư (1805). Phải chăng đó là những vật kỷ-niệm của Cao-Hoàng đối với nơi đã dùm-học người trong tôn-thất?

Sau buổi nghỉ trưa tại châu-thành Mỹ-tho, chúng tôi đi xem di tích Thanh-Xuân, ở về làng Thanh-hình, trên đường đi Bến-tranh.

Đây là một mỹ-phẩm về điêu-khắc của thời xưa, có thấy tận mắt ngôi đình Thanh-Xuân mới hình-dung được cái khéo của tiền-nhơn ta. Làm toàn bằng cây quý: huỳnh-dàn, trai, gụ, những cánh cửa, góc cột, bàn thờ, đều chạm hình người, rồng, phụng, mai, trúc, tùng, lộc v. v. Đẹp mắt hơn cả là hai cây trụ bàn thờ chánh, chạm nguyên hình rồng uốn khúc đứng trên hai con lân đúc bằng ô-đước, và những khuôn cửa mà mỗi đoạn là một kiểu chạm khác nhau, tỷ-mỷ, công-phu.

Dựng trên một trăm năm nay mà cây vẫn còn nguyên, nét chạm còn rõ, thật ngôi đình Thanh-Xuân đáng là một công-trình tuyệt-xảo của nghệ kiến-trúc và chạm-trổ Việt-Nam. Mặc dầu chúng tôi không có con mắt mỹ-thuật nên không nhìn rõ được từng nét hay, chỗ khéo của người thợ xưa, nhưng đứng trước những bức chạm ấy, chúng tôi cũng cảm thấy cái đẹp của toàn-thể. Rồi sùng-sướng trong lòng, chúng tôi nghĩ tới trình độ trí-thức của người xưa đã tạo ra về phương-diện tinh-thần: văn-chương, mỹ-thuật, những công-trình mà ngày nay con cháu được quyền đem ra phô-trương để chứng-thực cho cái tinh-hoa của nòi giống.

Nhưng thử hỏi, mấy ai đã biết tới ngôi đình Thanh-Xuân hẻo lánh, xa xôi này, dựng từ năm Gia-Long thứ tư (1805) và đang một mình chống-chọi với thời-gian, không được người đời che chở? Một ngày gần đây nắng mưa, một mối sẽ dắc thặng, thì đâu ta có hỏi, chuyện cũng đã rồi! Ước chi được một hội học ra công tu-bồ giữ gìn ngôi đình Thanh-Xuân và làm làm sao cho cái công-trình mỹ-thuật qui-báu của thời xưa đó khỏi chịu mai một giữa chốn đồng không hoang vắng.

Gần đình Thanh-xuân có từ-đường của gia-quyển ông Hương-cả đương-niên làng Thanh-bình, Trông từ-đường có một tấm biển gỗ khắc từ đời Minh-Mạng. Đó là chúc-ngôn của vị thủy-tổ họ này.

Theo tài-liệu ấy thì ngôi đình Thanh-xuân do người trong họ xây dựng cùng một lúc với từ-đường. Gốc người Quang-Nam, xứ Bà-Đèo, xã An-xá, họ vào khai phá miền này từ đời các chúa Nguyễn. Vị thủy-tổ có bốn trai hai gái. Một gái ở lại nguyên-quần, còn năm người kia theo cha vào Nam làm ăn. Về sự sanh nở thêm nhiều; họ bèn lập làng và quả năm Gia-Long thứ tư (1805) dựng đình và xây từ-đường. Có được những cây quý như huỳnh-dàn, gụ v. v. là nhờ trong họ có người chuyên nghề đi cây trên Tây-ninh. Hiện nay bốn người còn trai trong họ này đều được phong thần; vì có công qui-tụ dân cư và lập ra thôn-xã.

Trước kia chúng tôi đã được nghe nói tới chùa « Xoài Hột » hay là chùa « Sác tử » ở Mỹ-tho và sự tích Nguyễn-vương Phúc-Anh trốn trong cái đại hồng chung khi bị binh Tây-Sơn rượt bắt. Nay đã đến Mỹ-tho, làm sao bỏ qua không đi tới nơi được ?

Chùa ở về làng Thanh-phủ cách châu-thành Mỹ-tho độ mười cây số gần.

Có hai tiếng « Xoài Hột », theo lời ông Cả làng Thanh-phủ thuật lại với chúng tôi, là vì trước kia tại đó có một cây xoài nhiều hột, không có nạc, chỉ mút được thôi. Cũng do đó ngọn rạch chảy qua làng và đổ ra Tiền-giang có tên « Rạch Xoài Mút », cái chợ tại làng gọi là « chợ Xoài Hột » và chợ tại vàm rạch là « chợ Xoài Mút ».

Chùa « Xoài Hột », dựng trên nền cũ một ngôi chùa của người Mên, hiệu là « Long-tuyền tự ». Hai chữ « Long-tuyền » phải chăng do cái hồ sâu rộng trước sân chùa mà ra ?

Trong chùa còn một pho tượng Phật Mèo và một cái chuông đúc vào tháng tư năm Ất-sửu, Gia-Long thứ tư (1805). Tương-truyền rằng sau khi thất trận Rạch-gầm, vua Nguyễn lợi bèn rẽ sậy cùng tùy tướng Nguyễn-huỳnh-Đức chạy vào chùa « Long-tuyền », tránh quân Tây-Sơn đang tìm bắt. Vị trụ-trì là ông Nguyễn-phước-Chánh nhận bết ngài và lo giấu diếm, thuốc thang cho ngài.

Về chuyện giấu, người thì nói Nguyễn-vương ngồi trong cái đại hồng chung úp dưới đất, và nhờ chuông đóng dây bụi bặm nên giặc không để ý. Kể lại bảo giặc đi qua chùa thấy chùa hư nên không vào lục-soát. Cả hai thuyết đều có chỗ không vững. Theo thuyết trên thì Nguyễn-vương làm sao tránh khỏi ngợp hơi, đó là chưa nói tới sự có thể cũng không có thể ngồi trọn trong cái chuông mà bề cao chỉ có 8 tấc 7, bề rộng phía trên quá 4 tấc 2 và phía dưới miệng 5 tấc 9, như là một ngòi đã từng xông pha trận mạc, thân thể nở nang. Và lại bằng có thuyết đó là cái chuông, nhưng cái chuông nào ? Chúng tôi tìm khắp chùa chỉ thấy cái chuông ni tắc như trên và đúc năm 1805. Trái lại, việc trốn vào chùa xảy ra năm 1784; hai mươi một năm về trước ! Thuyết thứ hai không vững, vì có lý nào quân Tây-Sơn lại quá cả-thả trong việc truy-nã một người như Nguyễn-Anh, người mà họ dự biết rằng còn tự do ngày nào là họ không yên-ôn ngày đó. Đến năm Nhâm-thân (1812), vua Gia-Long nhớ ơn xưa có đời vị trụ-trì Nguyễn-phước-Chánh và triệu phong làm Nguyệt-Hiến hòa thượng và ân tứ một đạo sắc với ban một tấm biển có ba chữ « Linh-thứ-tự » cho chùa « Long-tuyền ». Bởi thế trong dân gian mới có tên « chùa sác tử ».

Chúng tôi rất tiếc không đi được Ba-giồng, miền Thuộc-nhiều, Mỹ-quí, là nơi có nhiều di tích về lịch-sử. Chính nơi đó Đờ-thanh-Nhân mộ quân Đông-Sơn và Nguyễn-Anh mấy phen chạy đến trong khi chống với Tây-Sơn. Và, thuộc sử cận-đại, đó cũng là sân khấu của nhiều trận huyết-chiến. Người ta nói hiện nay tại đó hãy còn dấu vết đồn-lũy và súng đạn xưa.

Không được đi Ba-giồng, chúng tôi cũng không được đi chợ Thang-trong để đọc bia kỷ-công đào kinh Bảo-định — nay là Arroyo de la Poste — do Gia-định-thành Phó-tổng-trấn Huỳnh-công-Lý coi đào năm Gia-Long thứ 18 (1819).

Không được đi hai nơi ấy thì thuận đường chúng tôi đi Rạch-gầm, thuộc làng Kim-Sơn.

Gọi là Rạch-gầm, theo lời một vị hương-chức nói lại, là vì xưa kia vùng đó toàn rừng rú, có nhiều cộp-gầm hết tối ngày. Hiện nay trong làng, mỗi lược cùng kỳ-yên đều có châu heo riêng cho cộp.

Rạch uốn khúc, có bề rộng lớn, hai bên bờ mọc um-tùm. Vàm rạch đổ ra Tiền-giang.

Nơi đây, trong tháng chạp năm Giáp-thìn (1784), Tây-Sơn Nguyễn-Huệ phục binh đánh tan hai chục ngàn binh, phá hủy ba trăm chiến thuyền của hai tướng Xiêm là Chiêu-Sương, Chiêu-Tăng kéo qua giúp Nguyễn-Anh. Thua trận này hai tướng Xiêm phải băng bộ chạy về Vọng-các, Nguyễn-Anh vào ẩn trong chùa « Long-tuyền ». Đây là một trong ba trận thủy-chiến lớn nhất của sử Việt-Nam và là một võ-công hiển-hách nhất của Bắc-bình-vương Nguyễn-Huệ.

Hôm nay trời trong gió mát, đứng trên cầu sặc bắt ngang Rạch-gầm, ngắm dòng nước đục lơ-lơ chảy, chúng tôi tưởng-tượng vị đề-nhật anh-hùng của Tây-Sơn lâm-liệt oai-phong trong bộ nhung-phục, đứng trước mũi thuyền điều-khiển trống sĩ. Chung quanh ngài thuyền rả, thấy trời, địch-quân hỗn-loạn, tranh nhau thoát-thân lên bờ. Nước sóng nổi sóng, chiêng trống vang trời, tiếng người dậy đất, cái bạo-khí phi-thường của dân Việt, một phen nữa, hộc-lộ mãnh-liệt, chắc đã đàn-áp cả tiếng gầm thét của bầy cộp Rạch-gầm, làm cho chúng phải tìm đường lẩn lút.

Dòng nước Rạch-gầm có mãnh lực gì mà lời cuốn tâm-hồn khiến chúng tôi cảm thấy nhẹ-nhàng sáng-khoái tựa hồ muốn vượt gió tung mây, ngược lại thời-gian, để cũng người xưa sống một vài giờ oanh-liệt !

(Còn nữa) Khuông-Việt

THANH-NIÊN DIỄN DÀN

Thơ cho một Thanh-niên

Em Việt,
Ước tin em thi rớt
Tú - tài phần thứ
nhì, «nh buồn v
thương em phải thất-bại nơi
trường thi mặc dầu trọn năm
học nay sự cố-gắng của em
chẳng í em gì mấy năm trước.
Nhưng anh thì thất với em
rằng cái tin em thi rớt không
làm cho anh buồn hẳn» hai
chữ « thất-chi » và những lời-
lẽ nào-nề thống-biết mà em
đã dùng để biện-chứng cho sự
thất-chí em nói trong thơ.

Chỉ có thi rớt một khoa Tú-tài mà em bảo rằng đã hỏng cả đời em, bởi lẽ rằng như thế em sẽ không còn hi-vọng được học-bổng để đi Hà-nội học thuốc và với bằng Tú-tài nếu sẽ được đậu kỳ tới đây, em cũng sẽ chẳng có thể tự tạo nên một cuộc đời như ý-nguyện ; thế là « lý-tưởng của đời em đã tiêu-tan, em sẽ sống những ngày nản-chi, buông trôi theo giòng định-mạng... ! »

Em Việt, lý-tưởng của đời em chỉ có thế ư ? Chỉ-hướng của đời em sao mà hẹp-hòi ngắn ăy ? Anh lỗi-hận vô cùng vì từ lâu những tin rằng đang lúc ti-liêu-nên cũng như anh hẳn em phải đang nuôi-nấng một hoài-bảo gì to-tát, một chí-nguyện gì cao-xa, anh không thừa lúc ý-chí của em chưa nhất-định mà tạo nên cho em một quan-niệm khoáng-đạt hơn về lý-tưởng cuộc đời.

Nếu em đã có một hoài-bảo to-tát hơn, em đã không đặt chí-nguyện em chỉ vào một địa-vị đốc-tơ, thì chắc-chắn rằng ngày nay em chỉ buồn vì một sự thất-bại, một trong muôn ngàn thất bại ở đời, chứ em không đến nỗi phải thất-chí, nản-lòng. Nếu chỉ hướng của đời em bao quát hơn, em sẽ thấy cái địa-vị đốc-tơ mà em đang găm-ghe nó chỉ là một phương-tiện để đi đến mục-dịch, chứ không phải là mục-dịch của đời em. Và nếu là một phương-tiện thì, không đạt đến được, em có quyền buồn nhưng vẫn có thể kiếm-tìm một phương-tiện khác hơn nữa mà chỉ của đời em vẫn vững, đời của em vẫn có một ý-nghĩa. Nếu em quan-niệm lý-tưởng của đời em là giúp ích cho đồng-loại, là làm bớt những đớn-dau thống-khổ cho đồng-loại chẳng hạn, thì danh-vị địa-vị đốc-tơ nó có thể giúp em

Đành rằng thanh-niên là trường-cật của xã-hội, là tượng-lai của Quốc-gia cách-mao ; Quốc-trưởng đã nhiều phen kêu gọi các bạn là vì cái điều-kiện tới-cần ấy.
Vi lòng ki-hề cái tuổi thanh và cái tình xuân-phôi-phối hồn-lộn với một cái tâm-chất, thiên-nhiên để phụng sự (les tendances altruistes) của các bạn, nên chúng tôi mở đề-mục này, tiếp các bạn vào hàng thượng-khách.
Trường vận-động cho tri-hức của các bạn vẫn rộng mênh-mông về luân-lý, tri-ly, mỹ-thuật cũng là khoa-học ; từ xem như bức thơ sau đây, chẳng những là lời khuyên-dạy bạn, mà lại là một phương pháp để đánh đổ những cái tư-tích-kỷ nó rây sanh trong lòng thanh-niên nào đã gặp một vài cái gương xấu trên nước mắt.
T. S.

đi đến lý-tưởng ấy nhưng nó chỉ là một cách-thể chứ không phải là cách-thể độc-nhất.

Sao em lại nở giao-lâm chí nam-nữ của em vào một địa-vị xã-hội, trong lúc tương-tại xứ-sở đang trông cậy vào em ? Xứ-sở không đòi ở em một người sống bằng cách chữa bệnh ; nếu em chỉ ước vọng mưu lấy một cuộc đời sang-trọng giàu-rạng bằng cách đem sự khỏe-mạnh lại cho kẻ khác, nhiệm vụ của đời em sẽ không khó

và hơn gì nhiệm-vụ của bao nhiêu ông thầy thuốc bắc, thầy thuốc nam báp-tê vừa xong những sách thuốc tàu, họ giữ được mười loa thuốc gia-truyền ; họ cũng có thể đem sự khỏe-mạnh, họ cũng làm dứt bệnh tật được cho biết bao nhiêu dân quê trong làng-mạc — nơi mà quanh năm suốt tháng không có bóng một vị đốc-tơ nào.

Đảng này, nếu địa vị đốc-tơ đối với em là một phương-tiện để cung phụng cái lý-tưởng giúp-ích đồng-loại, nâng cao-trình-độ văn-minh của giống nòi, thì vừa sống bằng nghề chữa bệnh, em vừa có thể cứu-sống, giúp đỡ cho nhiều người để mưu lấy một món tiền công quí, giá hơn : cái tâm lòng đã làm theo chí-nguyện. Như thế, đời em sẽ đẹp-đẽ bết bao, bởi vì tri-bình đối với em sẽ không còn là một môn học bắt-buộc phải trả để được sống một cuộc đời sung-sướng về vật-chất, mà là một việc làm tự em muốn gánh lấy. Và, như thế, không được đạt đến địa-vị đốc-tơ em cũng sẽ có thể sống với chỉ-hướng của đời em ; cái nguyện-vọng giúp-ích cho đồng-loại và làm phải chung-quanh mình, một ông đốc-tơ, một thầy thợ-kỹ, một anh cu-li... đều có thể tùy tài-sức mình mà thật hành nó được, đều có thể sống vì nó để tìm cho đời mình những sung-sướng tinh-thần không hơn kém gì nhau.

Anh tin rằng em sẽ phân-biệt quan-niệm thiết-thật với quan-niệm vị-kỷ về cuộc đời em có thể nhận thấy rằng hoài-bảo to-tát, chí-nguyện cao-xa không phải là chuyện viễn-vọng, thích-hạp riêng cho những tâm-hồn-

lãng-mạng. Vì quá ích-kỷ người ta không quan-niệm được một cuộc đời cao-thượng và bởi thấy rằng có lắm người cùng hô-hào với những « lý-tưởng », những « chí-hướng » mà chung-quì chỉ là những người hư-bông, nên hề ghe nói đến những câu « nâng cao trình-độ quốc-dân », « giúp-ích đồng-loại », người ta liền cho rằng không thiết-thật, đeo theo những mộng xa-vời. Thiết-thật, theo họ nghĩa là chăm học để thi cho đậu hầu có nhằm cái đích tòa nhà lầu, chiếc xe mui kiến mà đi tới, nghĩa là hoàn-toàn ích-kỷ.

Sao lại bảo là không thiết-thật, khi người ta biết lo rằng trong cảnh « no cơm ấm áo », sung-sướng về vật chất, tâm-hồn ta sẽ băng-khuàng khi nghĩ rằng không bao lâu rồi tấm thân béo-tốt sẽ phải trở nên tro tàn và trên cõi đời ta đã xuất-hiện, sanh-sống, như một khóm cỏ, bụi cây, dễ có thể tìm đến một cái gì nhờ đó mà ta sống không phải đề cung-phụng cho xác-thịt và được hi-vọng rằng đến ngày vùi thân trong hố đất vì dầu không còn ai nhắc tới, trong cõi đời cũng còn những di-tích, những công-trình của ta, cái gì ấy tức là hoài-bảo lo-tát mà ta đang đeo-đuối ? Có những người cũng nói đến, cũng quan-niệm được những « lý-tưởng », những « chí-hướng » cho cuộc đời, nhưng rất cuộc chỉ là những người ăn hại, là bởi họ nói, quan-niệm, mà không thật-hành hay hoặc giả có thật-hành thì chỉ trong một lúc phấn-khởi đầu-tiền mà thôi.

Đành rằng chí-nguyện của đời mình, đến các bậc vĩ-nhân cổ-kim cũng chưa mấy ai đạt đến. Nhưng, chính vì cái không hoàn-toàn-toại-chí mà họ mới là những bậc vĩ-nhân. Đã kêu rằng « chí », tất phải là một cái đích mà lúc nào đời ta cũng phải trông vào để bước tới, mà chí ấy càng không đạt được thì ta lại càng bước tới được nhiều. Chí-nguyện càng cao-xa, bao-quát, thì đời ta càng kiến-thiết được nhiều công-cuộc vẻ-vang. Hoài-nghĩ ở tài-sức mình vì cho rằng chí-nguyện quá to-tát, là triệu-chứng của một tánh-khi yếu-hèn, lười-biếng, thấp-thỏi.

Đức-Phu-Tử với hoài-bảo bình thiên-hạ, Nã-phá-Luân với cao-vọng làm chúa-tể hoàn-cầu, có vị nào đã có thể tự cho rằng toại-chí ? Song nếu không có cái hoài-bảo cao-xa ấy, không có cái chí-khi to-tát ấy, thì làm sao muôn đời còn ghi-tạc danh-hiến-triết, tiếng anh-hùng ?

Với cái kinh-nghiệm của một kẻ đã bao phen không còn thiết gì đến sự sống bởi nhận-thấy rằng đời mình rỗng-không vô-ý nghĩa và đã được hưởng những sung-sướng êm-dềm của một lý-tưởng cao-xa khi hết hoài-nghĩ nữa quyết-tâm-lực tận-tâm đeo theo chí-hướng, anh thành-lật khuyên em nên lập-chí lại và tin-tưởng ở sự thật-hiện của lý-tưởng mình với tất cả lòng-thành của tín-đồ một tôn-giáo.

Em Việt, ta được biết một vị anh-hùng cứu-quốc, đang, để-xương cuộc cách-mạng quốc-gia ; anh ước-rằng thuộc về hạng thanh-niên trí-thức của nói-giống Lạc-Hồng, đó sẽ là một vấn-đề cho em suy-nghĩ trong sự lập-chí của em, vì anh mong rằng em sẽ hiểu anh.

Người bạn lớn tuổi hơn em,

BÙI-KIM-BÍCH

(Thanh-Ba)

Bà Su ong-nguyệt-Anh

(Tiếp theo trang 4)

Mỗi tri đưa gian kèm vẻ rạn,
Vui lòng người triết thú đưa bơi.
Khơi dòng Hồ-Thức ửng ra mặt,
Đừng giữa trời xanh tiết chẳng đời.

Văn-chương hay đến thế là cùng ! Cùng như bà, bà Hồ-Xuân-Hương đã có lần xướng họa với ông Chiếu-đỗ ở Bắc, còn ở Nam bà Ngọc-Lân với ông Phủ Đước ở Vinh long.

Trong ba người, theo lời thơ, thì bà Suong-nguyệt-Anh tiết tháo hơn hai bà « Xuân-Hương » và « Ngọc-Lân ».

Nhà thi hào Việt-nam Đỗ-Chiêu chết, văn-dân Việt-nam đã mất hết một tay kiện tướng ; người-người, thương yêu, mến-tiếc nhà thi-sĩ nghèo nàn, khốn nạn. Mất ông người ta hy-vọng ở con gái ông, bà Suong-nguyệt-Anh, một nhà thơ sâu-sắc, thủy-mị.

Hỡi ơi ! Bà, lại theo chơn cha, cụ Đỗ-Chiêu, mà đem văn lên thượng-giới ngấm nga rồi ! Bà thơ hơi cuối cùng, gần mười mấy năm nay, tại Rạch-miêu (Mytho). Thân-thể và văn-chương của bà không được truyền-tụng. Vì lẽ bà rất ít đem ra phổ-trương trên mặt báo, hai nữa bị thất lạc đi rất nhiều.

LÊ-PHƯƠNG (Giadinh)

Hãy đọc và cổ - động
cho Nam-kỳ Tuần báo

NGÔ TÙNG CHÂU

Thưa hay ai cũng biết truyện Võ-Tánh với Ngô-tùng-Châu tận tâm giúp Nguyễn-chúa trung-hung, phải đại-hình Tây-Sơn vây trong thành Bình-Định, rồi một cụ là võ-tướng vi chức-vụ, một cụ là văn-quan vi tiết-nghĩa, cả hai đều tuấn tiết cho tròn anh-dự, chớ thông chận hàng giặc.

Về tiểu-sử của cụ Võ-Tánh thì người ta đã kể viết ra nhiều, còn đời sống của cụ Ngô-tùng-Châu tưởng ít ai được biết. Vậy hơn là Thi-Định này, chúng tôi trích lục trong « Đại-Nam chính-biên liệt-truyện » mà chép sơ sự tích của cụ Ngô ra đây, để phổ-thông tiết tháo của một danh-nhơn Nam-Việt, và tôn kính Nho-hạnh của một Khổng-môn đệ-tử, làm như vậy, có lẽ không phải là việc vô ích.



Ngô-Tùng-Châu gốc ở Phù-Kiệt, thuộc Bình-Định.

Lúc trẻ cụ vào Gia-định đư-học, cụ theo Võ-Trương-Toãn mà học thêm. Ấy vậy cụ cũng là môn-đệ của Võ-tiền-sanh, như « Gia-Định tam gia » đồng thời với cụ.

Cụ là người đoan-chánh, thận-trọng, có khí tiết, có học hạnh. Ra giúp chúa Nguyễn-Anh trung-hung, ban đầu cụ thọ chức Hàn-lâm-viện, rồi thăng lên Chế-cáo, lãnh coi việc nông-tang.

Đến sau cụ được bổ-chức Lê-bộ Tham-Tri, và lãnh quyền Trấn-Biên Ký-Lục. Chừng trở về, cụ được thăng chức « Đông-Cung Phụ-đạo » song cũng thuộc bộ Lê. Cụ cố từ chức này, tâu với vua rằng : « Thần tài sơ hạnh bạc, lại thuộc về văn-bang nhứt-nhác yếu-ớt, sợ không kham chức Phụ-đạo ». Vua phán Đông-cung là ngôi trọng trong nước, phải chọn người đứng-đầu làm sư phó mới được, nếu không có cụ thì không được, vậy cụ chẳng được cáo từ.

Cụ Ngô phải lãnh chức ấy, cụ tận tâm giữ cử-chỉ mực thước thẳng ngay, việc nào cụ cũng lấy lời chánh đáng mà tâu, không hề giấu-diếm hay ái-ngại. Đông-cung rất lễ trọng cụ.

Khi Hộ-bộ Tham-Tri Nguyễn-văn-Mỹ mất, vua cho thờ trong Hiến-Trung-Từ. Vả cụ Mỹ tuy có công lao nhiều, nhưng làm quan có tánh tự-liêm. Cụ Ngô bèn tâu với vua rằng : « Hiến-Trung lập ra ý để khuyến-kích lòng trung của bá-quan. Nguyễn-văn-Mỹ là « đạo thần » không làm gương cho ai được, vậy nên bỏ ra ». Vua nghĩ cụ Mỹ dày công, không nỡ bỏ, nhưng thán khen lời giản ngay thẳng của cụ Ngô.

Lúc ấy dân-gian ở Gia-định tôn trọng P.ật-giáo. Vì việc chinh-chiến ép-buộc, nên dân phải chịu nạn quân-hưng-dịch-trọng. Nhiều người muốn khỏi đi lính, nên thi phất vào chùa mà tu. Vua dạy Lạc-bộ truyền-thì cho dân biết rằng

làm « thầy chùa » mà dưới 50 tuổi thì cũng phải đi lính làm xấu như thường-đạo. Quần-thần-phần-nhiều can-gián, xin vua đừng ra lệnh ấy. Vua dụ-dự chưa quyết-định. Cụ Ngô bàn với Đông-Cung rằng : « Chúa thượng-ý muốn bỏ Phật-giáo, ấy là một nghĩa cũ rất hay.

Quần thần đã không tán-thành, mà lại còn kiếm lời ngăn-cản. Nếu lệnh ấy không thi-hành, rồi dân-gian hay được, thì sợ e chúng còn làm « thầy chùa » đó ỉ hơn trước đời phần. Vả thần chẳng hề có ý ghét riêng đả-m « thầy chùa ». Song cái hại của Phật-giáo và Lão-giáo nhiều hơn cái hại của lý-thuyết Dương-châu hay Mặc-Địch. Vì vậy nên thần phải tâu cao lệnh trên rõ ». Đông-Cung cho là phải, Cụ Ngô bèn đứng sớ tâu ngay, làm cho vua quyết-ý, hết dụ-dự nữa.

Năm kỷ-vi (1799), mùa hạ, khắc-phục thành Bình-Định rồi, vua để Võ-Tánh ở lại trấn-thủ, cơ cho cụ Ngô-Tùng-Châu hiệp-lực. Sau đại-bình Tây-sơn kéo vô vậy thành. Trót bại năm trước cụ Ngô, tuy là văn-quan, nhưng tận tâm phụ-giúp với cảnh-soái mà cố thủ, lo phương-phòng ngự, lấy lời trung-nghĩa khuyến-kích sĩ-tốt, làm cho ai ai cũng vui lòng liêu-chết mà cự-dịch, chẳng hề thối-chí hay phẫn-tạm.

Năm tân-dậu (1801), mùa hạ, trong thành hết lương, thế không chịu nổi nữa, cụ Võ-Tánh quyết lên giàn hoả đặng từ tiết cho toàn danh-dự võ-tướng. Một buổi sớm mời cụ Ngô đến hỏi-kế. Cụ Võ-Tánh chỉ Bát-giác-lâu mà nói : « Đó là kế của tôi ». Rồi cụ lại nói tiếp : « Tôi là chủ-tướng không thể sống cùng giặc được. Công là văn-quan, có lẽ giặc không nỡ làm hại. Vậy công hãy liệu kế tự-toàn ».

Cụ Ngô cười mà đáp : « Lòng trung ái-chỉ có một thứ mà thôi, dầu đối với văn hay với võ cũng vậy. Tướng-quân đã biết vì nước mà tử-nạn, Tùng-Châu này há chẳng biết làm tôi phải tử-trung hay sao ? »

(Coi tiếp trang 14)

Chị Ngọc-Tuyền,

Nghe những tiếng kêu gọi của nhiều nhà trí-thức hiện thời nên em không còn ngần ngại chi nữa : em xin luận với chị về các phương-diện phụ nữ chúng ta. Chị cũng không quên cái phận sự xinh-dẹp của chúng ta trong xã-hội; cái nhiệm-vụ muốn phần tươi tốt trong gia-đình. Hễ muốn nói khỏi-phục gia-đinh là ; hễ cần đến chúng ta không nói chi đến những gương cao-kiến như : hai bà Trưng, bà Triệu hoặc là bà Thánh. Jeanne d'Arc, chị em cũng nên nhớ rằng nhiều bậc vĩ-nhân trên thế-giới từ cổ tới kim, nhờ cách giáo-dục chăm-nom của bà mẹ.

Thưa Chị, những gương phụ nữ xuất chúng như thế, em không kể ra làm chi, xét vì em hay nhớ lời của một văn-sĩ Pháp cho rằng phận sự nọc nhàn của ta mỗi ngày, ấy là việc vĩ-dại, kiệt tác đó.

Vừa mới rồi đây, trước khi em cầm viết luận với chị, em đã sửa soạn bản-viết cho ông thâu em, em chưng bông tươi cho ông thâu em ngồi lại đó vui lòng làm việc, em đổi



y-phục sạch sẽ cho hai đứa em trai đi học, rồi em lo đến một cái vấn-đề đã, thường làm cho mẹ em bực mình : ấy là hiện trước những món ăn ngày mai. Công của em chỉ quanh-quần trong gia-đình, em lại tự hiến cho em cái bồn-phận làm cho mỗi người được vui vẻ.

Phạm được lẽ sống vui, được hạnh-phúc rồi, các trọng-trách trong xã-hội sẽ được nhẹ-nhan hơn. Mới nghe qua cái phận-sự này hình như có ánh-chất tâm-



thường, nhưng nếu chị em ta xét kỹ lại, nó vẫn là vĩ-dại, cao-kiến, chẳng kém muốn ngàn phận-sự khác. Vì những lẽ ấy nên chị em ta được xã-hội ban cho một chức-vụ rất đặc-sắc là :

Nữ dung

Em không được cái hạnh-phúc của chị, em không có nhiệm-vụ xã-hội như chị, nên luận về những kiểu-mẫu y-phục của phụ-nữ Việt-Nam ta, em có chỗ nào sơ-sốt xin chị đừng ngại, chị chỉ trích giùm em, em xin đa-tạ trước.

Nếu em không lầm thì y-phục của phụ-nữ ta, đứng về phương-diện kiểu-mẫu, cũng đã tấn-bộ nhiều rồi, trong khoản dượng hai chục năm nay. Sở dĩ, em vui lòng luận đến nó, là em thấy nó đã đi ăn-nhịp với những trình-độ học-thức và luân-lý của chị em ta.

Em nhớ lại, hồi lúc em còn thơ ấu, phụ-nữ ta vẫn còn sụt-sè dè-dặc trong việc chọn màu : những màu đen và trắng là thường dụng, những màu tím-sậm, nu hay là chocolat để cho những người theo kịp thời-kỳ, còn chị nào bạo gan mặc áo màu hường, quần trắng, người ta đã



Cuộc chấn-hưng luân-lý mà hạng trí-thức đề xướng hơn một năm nay, đã bắt đầu kết-quả ở Nam-kỳ, kết-quả rất rõ. Trong ngày Thu-Linh này, có nhiều chỗ trần thiết lễ Kỷ-niệm đức Không-Tử rất long trọng.

Ở Vinh-long. — Tại Văn-Thành-Miếu Long-Hồ nhiều nhà nho-học hiệp cùng thân-bào mà cúng tế luôn 3 ngày : 26-27-28 annam, năm 25-26-27 Septembre. Nhà đại-thương Huệ-khieu cũng hiệp với đồng-bào ta mà làm cho cuộc lễ có vẻ nghiêm trọng đặc-sắc. Ngày 27 Septembre quan Long-Thống Toàn-Quyền và quan Thống-Đốc Nam-Kỳ đi kinh-lý miền Cô-Chiến có ghé viếng Văn-Thành-Miếu làm cho cuộc lễ càng thêm



cho là quá khích. Chị à, đã biết người đẹp đứng vào thời kỳ nào cũng đẹp, nhưng mà khi em nhớ lại cây-đu cần dài và đôi giày cườm thuở ấy, đâu em dẫn lòng cách nào, em cũng phải mỉm cười. Lúc ấy bề dài áo chỉ xuống khỏi đầu-gối chừng một tấc mà thôi, song cái kích bao châu-thân một cách khiêm-nhường, những hàng, lụa dệt thưa, vẫn bị phong-tục bôn-xư cấm-dứt.

Từ lúc ấy đến nay, em thấy kiểu-mẫu thay đổi rất nhiều.

Chọn lựa màu, chị em ta hết sè-sụt như trước nữa, còn cách may, cắt, vẫn sửa đổi cái khuôn-khổ tạo-hoá một cách rất khôn-khéo. Em tưởng : người đẹp, lại được nước da của chị thì bất luận màu nào, từ màu hường cho tới đỏ bước qua vàng sậm hoặc kiến-sen cùng là các thứ hường, lụa có vẻ bông, nếu chị mặc một cái áo tân-thời vào, em

long trọng.

Ở Gò-công. — Sớm mơi 26 Septembre « Không-Tử tế-tự-hội » Gò-công có nhóm tại nhà một hội-viên mà hành-lễ.

Ở Saigon. — Toà soạn chúng tôi có hiệp cùng sở Vô-Tuyến-Điện Saigon mà tổ-chức một bữa nói chuyện trước máy truyền-thính hôm chiều 26 Septembre từ 18 giờ 45 tới 19 giờ rưỡi. Eôn báo Chủ-niệm nói về đề « Đông-Tây hội ngộ ». Nhà nho-học Hùng-thê-Liêng giảng sách theo điệu thầy nho thuở xưa. Nhà văn trai trẻ Thiệu-Son kể mặc ịch lệ với câu-chuyện « Nho-giáo và Nhơn-loại ».

coi chị thêm về xinh-tốt làm sao ! Nếu cắt cho đúng, em xin chị bảo thợ may « vai-bồng » và để « vai-giã » cao thêm dặng sũa hai vai thiết của chị — có hơi xuôi xuống một tí — lên vài phân tây, chị tưởng có nên chăng ? Chị nên nhớ liễn-kết các thứ màu (mariage de couleurs) cho-hạp nhãn-đều ấy em coi chị em ta hãy còn sơ-y. Em lấy một thí-dụ : như chị mặc áo đỏ, quần trắng, chị nên đi đôi giày đỏ ; còn chị đi đôi giày trắng với bộ đồ huỳnh-anh lợt, trông ra nhả lăm, chị ! Chị xem phụ-nữ Âu-châu, họ ký cho tới cái túi da xách bên ngoài, họ cũng tùy màu nữa. Nữ dung của họ, đến nước đó, thì có lạ chi thấy trong các giới khác, họ cũng đã đến cực-diêm như vậy. Về phương-diện trí-thức, hoặc là mỹ-thuật, chị em ta cũng nên noi theo gương của người.

Cuảng những nữ-dung là một vấn-đề trong cả ngàn vấn-đề khác của phụ-nữ Việt-Nam, chị em ta nên nhớ đề-mục này trên mặt báo N. K. đặng luận-đàm cùng nhau, biết rằng

chị em ta đã lãnh một phần trong những nhiệm-vụ rất lớn-lao mà chị em không ngờ-vực : ấy là cuộc Quốc-gia - C á c h - mạng.

Em mong sao chị và tất cả chị em trong hàng nữ - giới trí-thức trả-lời một cách sôi-sảng ; với chị và các chị em, em xin hứa phụng-sự trong trường-hợp này.

Em của chị,
KIM-TUYẾN



Cải luận-lý tiểu-học



Ơi nghe qua cái tựa này, chi cho khỏi một phần đồng đọc giả « hừ » một tiếng : « Ai đây hết chuyện chơi rồi, nên muốn đem những bài trong Luận-lý giáo khoa thư lớp sơ-đẳng tiểu-học đăng chép lại trong mục này, chớ gì ».

Phải ! qui vị nghĩ như vậy cũng có chỗ trúng thật, tôi sẽ chép lại những cái tựa đề : *Phải trọng tánh-mạng người, phải trọng của người, phải trọng danh-giá người, cái nghĩa kim-băng, lòng trung thành với quốc-gia, bốn phần con trẻ đối với cha mẹ, tình thầy trò...*

Biết bao nhiêu mà kể, không-kéo dài cái bản thống-kê ấy ra nữa !

Chép thì cũng chép lại như ai vậy, nhưng mà khác hơn là lấy thí-dụ tân-thời, thay vì kể ra nào là thầy Mần-Tử, nào là ông Tô-hiến-Thành, nào là Lạc-Tích là những tên « xưa » quá.

Cái vấn-đề « luận-lý tiểu-học » nó đã cũ như trái đất, lại thêm vì đem những cái tên xưa hơn những món đồ phở bày nơi cô-viện mà đem lên thì còn chi là mùi vị ?

Nếu kiếm được những cái thí dụ mới rồi, lại còn thêm một nỗi khó-khẩn nữa ! Ngay thay !

Hễ là luận-lý thì tiểu-học, có ép ưỡng lăm là sơ-học, có kêu nài cho mấy đi nữa là trung-học, chớ không thấy cái luận-lý nào cho tới đại-học.

Trong số N. K. tuần rồi, những người đồng thời của chúng ta làm lễ kỷ-niệm Đức Phu-Tử là tác-giả những cái thuyết luân lý xưa đến mấy ngàn năm : như dịp ấy tôi cũng « vác mai chạy quẩy » trong lúc thấy người « ăn khoai ».

Tôi xin kể một vài cái thí dụ vấn-tất đề-đem bởi cái công-trình của người đã nhọc lòng tổ-chức.

Trong một tỉnh kia, bốn anh em bạn đồng-môn trước trước tại kinh-thành, nay lại được ở chung một chỗ, tuy là sanh-kế khác nhau. Một cái tin mừng của một tờ nhật-báo đem

lại các anh biết rằng một người bạn cũ chúng sẽ đáo nhậm tại đây : « Đốc-học Thanh-tra địa-hạt » !

— Lúc còn bốn năm trung học, tôi thương nó lắm. Anh em có nhớ ngày nó đau nặng, nhiệt, độ đến gần 40°, trong cơn sáng-sốt nó co chơn toan nhảy cửa sổ. Anh em nhớ lại chúng ta ngủ từng lầu thứ ba, nên đêm ấy tôi phải giữ chắc nó cho tới sáng.

— Vậy chớ anh quên sao ? Thuở ấy tôi vì hình-vực nó nên phải đánh lộn, rồi bị đuổi học ba tháng, anh nhớ không ?

— Còn tôi — anh em còn nhớ chớ — tôi có tật ăn-xài lớn. Tôi nghĩ rằng tôi học dở, nó học hay ; tôi là con nhà giàu, nó nghèo. Nó muốn sách gì tôi cũng mua cho nó.

Người thứ tư có tánh dè-dặc hơn : — Chúng ta không nên nhắc lại những chuyện cũ. — Và lại, đời bây giờ người ta hay phân-biệt giai-cấp trong xã-hội — Bốn đứa mình ngày nay ở địa-vị tầm-thường, nếu không có việc chi cần-dùng thì theo ý của tôi, không nên giao-thiệp với những người ở địa-vị cao !

Ba người kia không đồng ý kiến, viện lẽ rằng anh em là anh em, bằng-hữu là bằng-hữu, mà địa-vị là địa-vị. Sau khi bàn cãi rồi, bốn người nhất định kiếm thăm người bạn đồng-song để thương-lực trước. Hay đăng ngày giờ quán Thanh-tra đến trình diện với quan Chủ-tỉnh, bốn anh đứng đợi trước cửa toà bố. Quan Thanh-tra đi ngang qua, liếc thấy bốn người chào mình, chỉ có gật đầu một cái rồi đi nghiêm-trang thẳng vào Tỉnh-trưởng văn-phòng.

Một người thanh-niên trong hàng viên-tử, sau khi du học, đem về nước nhà, những cấp-bằng khoa-học đáng kính. Cậu có một tánh không giống những bạn đồng thời của mình là không ưa chào hỏi theo phép Âu-châu, nghĩa là phải bắt tay những người quen với mình ; cậu chỉ cúi đầu theo cách lịch-sự vậy thôi, mặc dầu là mặc Âu-phục sát-lẻm.

(Coi tiếp-trương 19)

TRÊN ĐU'ÔNG PHỤC-HƯ'NG

luân-lý và văn-học

(Tiếp theo trương 3)

Khổng-giáo, bởi vậy tôi biểu đồng tình với những người sáng lập hội ấy, tôi xin làm hội-viên, song không có chơn trong ban Trị-sự.

Còn việc của tôi đương tình, là lập ra một cơ-sở chuyên lo phục hưng luân-lý và văn-học Việt-Nam. Hết thấy mọi người, bất luận tôn-giáo nào và chủng-tộc nào, nếu có nhiệt tâm với cuộc duy trì đạo-đức và nâng-cao văn-học cho dân tộc Việt-Nam thì hiệp tác với tôi được. Vì đạo-đức và văn-học Việt-Nam gốc ở trong nho-giáo mà ra, nên bị ấu-tượng nho-giáo bao trùm không thể-thoát ly được, bởi vậy tôi phải căn cứ nơi gốc ấy ; tôi cần phải qui trọng luân-lý nho-giáo, song cũng phải chớ sửa cho hạp cách cư-xử cùng trình-độ trí-thức của người đời nay ; tôi cần phải sùng bái Khổng Phu-Tử, là bậc chí-thành cả hoàn-cầu đều công nhận, mà lại là Tiên-sư của nho-học, song tôi ra chú trọng cách sùng bái lý-tưởng, sùng bái tinh-thần.

Việc của tôi tính là vậy đó : hoạt động để phục hưng luân-lý và văn-học Việt-Nam, với cốt trụ đạo-đức của nho-giáo chớ không phải để lập hội mà văn-hội đạo Khổng. Nếu mấy tháng trước tôi có tinh tổ-chức lễ Thu đình, ấy là tôi muốn tạo ra một cơ-hội để giáp mặt với chư pho mà bàn nghị cách thiệ hánh mục đích của tôi đó. Xin các bạn chú ý vào chỗ phân-biệt này.

Chương-trình hành động. — Muốn kiến-trúc căn phải có trước một chỗ đất tốt đẹp với một nền tảng vững chắc. Trong cuộc phục hưng luân-lý và văn-học, thì nền tảng là nho-giáo, không ai cãi chỗ đó được. Bởi giờ nền nôi qua chỗ đất. Thuở trước, trong Nam, đất Gia-định có danh nhiều hơn hết, mà danh ấy là danh về mặt chiến đấu và mặt chánh trị. Vinh-long có danh khác, danh về mặt văn-học và về mặt đạo-đức, nhờ tài học và chánh khí của cụ Phan-Lương-Khê. Nay muốn lập một cơ-sở chuyên lo phục hưng luân-lý và văn-học, chúng tôi tưởng cơ-sở ấy nên lập tại Vinh long để cây âm-quyền thiêng-liêng tăng trợ của đức Khổng thành và của cụ Phan, cả hai đều sẵn có miếu thờ, đều được sùng bái ở đó. Tuy cơ-sở ở Vinh-

long, nhưng việc làm gồm cả miền Nam, từ kinh-thành Saigon cho tới các hàng tỉnh.

Nhiều bạn đồng-chí đã hiệp ý với tôi mà phỏng định như vậy :

Sửa sang cuộc đất Văn-thành Long hồ để gây nên cơ-sở phục-hưng. Sự sửa-sang này gồm :

1. — Bồi-bổ sở đất Văn-thành cho cao-rào bằng-thẳng, lấp mương, đắp đường, trồng cây, song không đồng tôi tòa miếu Khổng-thành, chỉ sửa lại cho chắc chắn chỗ nào hư mục mà thôi.

2. — Phá toà Văn-xương-Các mà cất lại cho chắc chắn, mới mẻ, hạp thời, và cũng 2 tầng như trước.

3. — Phía bên kia, đối diện với Văn-xương-Các, cất Công-thần-miếu, cũng đồng một kiểu mẫu với Văn-xương-Các, để dời sự thờ công-thần đời trước và chiến-sĩ trận vong ở Long-đức-đồng đem về đó.

4. — Bên Văn-xương-Các, trên từng lầu, thì treo tiêu-tượng và đặt bài-vị để sùng bái cụ Phan-thanh-Giản và các danh nho văn sĩ Nam-kỳ đã quá cố, từ nhóm Chiêu-anh-Các nhiều xuống Võ-Trường-Toán, Gia-Định tam gia, Phạm-dăng-Hung, Vương-hữu-Quang, Ngô-Tùng-Châu, Nguyễn-Thông, Huỳnh-Mãn, Đạt, Thủ-khoa Nghĩa, cử T. i, Tôn-Thọ-Tướng, Nguyễn-đình-Chiến, Học-Lạc, Trương-minh-Kỳ, Trương-vinh-Kỳ, Huỳnh-tịnh-Cửa, v.v.

Ở từng dưới thì dọn làm tàng-thơ-viện chứa đủ các thứ sách có thể giúp phục hưng luân-lý và văn-học, gồm chữ Hán, chữ Pháp và quốc-văn, để ai muốn khảo-cứ luân-lý và văn-học Việt-Nam thì đến đó mà kiếm tài liệu. Từng này cũng làm chỗ diễn-thuyết và hội-hip văn-học.

5. — Bên Công-thần-miếu thì từng trên lầu để thờ công-thần đời trước theo 85 đạo sắc của vua ban, còn từng dưới thì để truy-niệm linh-hồn các chiến-sĩ trận vong từ giặc 1914-1918 đến giặc này.

Thiệt-hành cái dự-án này cần phải có :

a). — Một số tiền lớn "ủ" sửa-sang cuộc đất Văn thánh, cất lại Văn-xương-Các, cất Công-thần-miếu, mua sách để lập thư-viện, sắm bàn ghế để dùng về sự lễ-tự và hội-hiệp ;

b). — Một cơ-quan gồm vừa trí-tổ-chức, tài kiến-trúc, lòng nhiệt-thành ;

c). — Nhiều sức tán-tợ của bực phú hào nam nữ giúp cho cơ sở có huê-lợi thường niên để trả tồn phí về tu bổ, cai quản, mua thêm sách báo, tổ chức lễ lễ v. v.

Phải có một hội mới lập thành 3 điều này được. Hội này phải lập y theo thể-thức của pháp-luật, phải có quan-trên chuẩn phê điều lệ chỉ rõ mục-đích và chương-trình hành-động, lại điều cần nhất là phải gồm những người vừa có học-thức, vừa có chí công-tích, vừa có lòng nhiệt-thành với cuộc chấn-hưng luân-lý và văn-học Việt-nam, vừa có thính danh và thế-lực, vừa được lòng tin nhiệm của mọi người từ trên xuống dưới. Hội đứng xin phép mở cuộc nghĩa quyền cho có đủ số tiền làm các việc kể ở trên đó, lãnh cai quản các cuộc kiến-trúc và tổ-chức, yêu cầu các thiện-tâm để gây số huê-lợi thường niên, lãnh tổ chức các cuộc lễ lễ và truy niệm trong Văn-thánh-miếu, Văn-xương-Các và Công-thần-miếu. Chứng cơ-sở luân-lý và văn-học thành lập hoàn toàn rồi, thì hội-quản có thể dời tại Saigon, ở Vĩnh-Long chỉ cử một ủy-ban cai-quản thường trực cũng đủ, tới lễ lớn hội-viên sẽ về tụ nơi đó mà hành lễ.

Hiện nay ở Saigon đã có một hội cai quản đại kỷ-niệm Chiến-sĩ trận vong và một hội cai quản Hiến-trung-tử, là chỗ thờ những danh-nhơn Nam và Pháp có công giúp Vua Cao-hoàng khôi phục giang-san. Nếu Nam-kỳ có thêm một hội lo phục-hưng luân-lý và văn-học nữa, thì sự tôn hiến hoài cổ theo tri ý quốc-gia cách-mạng sẽ được hoàn toàn, ở Hiến-Trung-Tử Saigon thì súng bài vô công, ở Văn-Thánh-Miếu Vĩnhlong thì súng bài văn-như thi-sĩ.

Cơ-sở phục-hưng luân-lý và văn-học Việt-Nam mà đặt dưới quyền tán trợ thiêng-liêng của đức Khổng Phu-Tử và cụ Phan Lương-Khê, có lẽ sẽ làm cho bước đường tương-lai của dân-tộc ta, về mặt trí-thức và đạo-đức, được êm-đềm mà rực-rỡ, được ôn hoà mà bền vững.

Chúng tôi ước mong hàng thức-giá đề-y đến vấn-đề này, và nếu có ý-kiến chi hay thì xin

Ngô-tùng-Châu

(Tiếp theo trong 9)

Cụ Ngô trở về dinh, mặc triều phục, lay về bắc-khuyết, rồi phục độc-độc mà chết. Cụ Võ-Tánh nghe báo bèn than : « Ngô quân giành chết trước ta ! » Cụ thân hành đến coi tần liệm cụ Ngô. Ngày ấy là ngày 25 tháng 5. Cách 2 ngày sau cụ Võ-Tánh lên gián hòa.

Vua thâu phục Phú-Xuân rồi, hay tin ba vị trung-thần đã tử tiết, thì thương xót hết sức, hỏi Thị-thần là Phạm-ngọc-Uân coi cụ Ngô có con hay không. Cụ Uân lâu rằng cụ Ngô có nuôi người cháu họ, tên Tùng-Hoàn làm con nuôi. Vua dạy phải hậu đãi người con ấy để đáp nghĩa trung thần, và liền hạ lệnh chăm nom nhà cụ Ngô.

Gia-Long nguồn-niên, vua tặng cụ Ngô Tùng-Châu tước « Tân-trị Công-thần đặc tấn kim sai Vinh-Lộc Đại-phu, Trụ-quốc Thái-tử Thái-sư Quận-công » cùng với Hoài Quốc-công Võ-Tánh thờ chung trong Trung-từ.

Năm Gia-Long thứ 3, đem thờ trong Gia-dình Hiến-trung-tử, lại cấp tự điền, tự dân, mộ phu, dạy cháu là Tùng-Hoãn phụng tự.

Năm Gia-Long thứ 4, cho thờ trong Thái-miếu.

Năm Gia-Long thứ 9, cho thờ trong miếu Trung-hưng Công-thần.

Năm Minh-Mạng thứ 2, cấp tiền và lúa cho Ngô phu-nhơn là Võ-thị-Tuế.

Năm Minh-Mạng thứ 5, cho thờ trong Thế-miếu.

Năm Minh-Mạng thứ 12, truy tặng tước « Tả-vận Công-thần đặc tấn Vinh-Lộc Đại-phu, Hiệp-biện Đại-học-sĩ, Thiệu-sư kiêm Thái-tử Thái-sư, Ninh-Hòa Quận-công ».

Cháu cụ là Tùng-Hoãn mất, vua cho Tùng-Hoà tập chức « Cẩm-y Hiệu-úy » coi phụng tự.

BIỂU-CHÁNH

cho chúng tôi biết để mở rộng thêm chương trình hành động và thiệt-hành chương-trình ấy cho mau.

HỒ-VĂN-TRUNG.



của HỒ BIỂU-CHÁNH

(Tiếp theo)

CHA ! Cha !... Cha ơi ! Thuở nay con biết cha tự-tử, nhưng mà con không hiểu tự-tử tại duyên-cớ nào. Người ta gạt con, người ta nói cha có ánh nắng, kiên thừa hi thất rồi buồn rầu mà hủy mình. Con có dè cha đau-dớn vì má mà cha phải chết đâu !... Hèn chi hôm nay con hỏi ai là người kiên thừa với cha, thì má giấu biệt không chịu chỉ.

À ! Thầy Cãi ! Thầy Cãi là người đoạt trái tim của mẹ ta mà làm cho cha ta phải chết. Thầy Cãi phá gia-dình của người ta ! Ác thật ! Ác lắm !

Phải trả thù mới được !
Cang đóng cửa rồi lấy ba bức thơ với cái khùng bình đem vô mừng năm coi lại nữa.

XI

Khổ tâm lắm, khổ tâm lắm !
Chết là lẽ tự nhiên của trời đất, là cuộc chung kết của sự sống, là việc cuối cùng của các loài động-vật. Sinh làm người, dầu thuộc hạng nào, dầu già hay trẻ, ai ai cũng phải chết một lần. Ấy vậy hề chết thì thôi, dầu thân-nhơn của người chết có thương tiếc cho mấy đi nữa, thì một ít lâu rồi cũng người-ngoại, chớ không đến nỗi buồn rầu hoài.

Ngặt vì người sanh-thành mình chết, mà chết với một cách rất bi-thảm, rất bút-tức đến thế này, tuy tự ý quyết định uống thuốc độc mà chết, chớ không phải ai giết, nhưng mà chết như vậy thì chẳng khác nào người ta hung chén thuốc độc, ép buộc phải uống mà chết vậy. Đứng làm con, hay cha mình chết như vậy, có ai mà chẳng đau lòng tức trí về số phận vô phúc của kẻ sanh thành mình.

Phải báo thù, phải báo thù cho cha !
Mà người không biết trong sự sống của cha

minh, nên làm cho cha mình chết đó là ai mà mình tình báo thù ?

Trước hết cũng là một người sanh-thành mình, là người mẹ ban da xẻ thịt mà đẻ ra mình ! Tại người ấy trở lòng phản bội với cha mình rồi làm cho cha mình buồn rầu nên mới chết.

Kể đó thì là thầy Cãi, người đồng lứa, rủ quyến cho mẹ mình bỏ đường ngay mà bước vào ngõ vav, nên cha mình mới thất tình rồi chi mà chết.

Tình mẹ con cũng sâu, cũng nặng như tình cha con. Cha mình chết mình biết đau-dớn bút-tức. Bây giờ nếu mình ép buộc mẹ mình cũng phải chết nữa, để đền bồi tội ác ngày xưa, há mình không đau lòng xót dạ hay sao ? Giết mẹ !... Giết mẹ !... Làm người có ai mà nhân tâm đến thế hao giờ !

Còn thầy Cãi, mình có quyền gì mà trừng trị tội ác của người ?... Sát như !... Đời nào cũng vậy, sát như là đại tội, luật pháp nào mà dung mình được !

Vậy thì phải làm thế nào ?
Khó liệu lắm thay !

Giết mẹ thì không đành, còn giết thầy Cãi thì phạm đại tội, bây giờ phải làm lơ như không hay không biết việc xưa, rồi cứ kêu mẹ bằng « má » nghe ngon-ngọt, cứ ở chung-chạ với mẹ và cứ để cho thầy Cãi thông-thả mà sống trong cái cảnh vui sướng, được con yêu, được rề nuôi hoài hay sao ?

Không được, không được. Làm như vậy thì khiếp-nhược quá, đã khiếp-nhược mà lại còn lỗi đạo cha con nữa.

Phải báo thù ! Dầu thế nào cũng phải báo thù cho cha mới được !

Mà báo thù bằng cách thế nào ?

Đọc ba bức thơ của cha, rồi, mấy bữa rày những lý-tượng mới viết ra đó cứ vo-van trong trí của Cang hoài, làm cho Cang ăn không biết ngon, ngủ không an giấc.

Không thể dụ-dự, tri-huẩn nữa được, nên

bữa nay Cang đi về Bình-Nhâm. Mà lúc ngồi trên xe-diễn thì chưa nhứt định phải báo thù bằng cách thế nào, rồi chừng bước chơn vô tới sân cũng chưa biết phải báo thù bằng cách thế nào, duy trong lòng hồi-hộp, thăm vớ mong mẹ đi khỏi, đặng chạm thấy mặt mẹ một chút nữa. Chẳng dè vừa bước vô cửa thì đã thấy mẹ đứng chặn ngăn giữa nhà.

Cô ba Minh Hiền nói: « Dữ hôn! Tới bữa nay con mới về! »

Cang không đáp mà cũng không chào mẹ, bỏ đi thẳng vô trong buồng riêng của chàng mà thay đổi áo-quần rồi lên-giường mà nằm.

Cô ba Minh thấy con có cái thái-độ khác thường thì thăm lo trong lòng, nghi trước khi chết, ý hai Thanh có trở lời chỉ can lệ đến mình, nên không muốn hỏi con về việc chi nữa, tính dè thưng thưng đo-dẫm tính ý của con rồi sẽ liệu lượng. Cô bỏ đi ra sau vườn mà coi người ta hái trà. Đến gần tối cô mới trở vô nhà. Cô hỏi con Lý thì nó nói Cang nằm trong buồng hoài chớ không có ra ngoài.

Cô b'ều dọn cơm rồi cô bước vô buồng. Thấy Cang nằm im-liêm, mặt day vô vách, cô tưởng Cang nghĩ rên nằm tay mà kêu: « Con, dậy ăn cơm con. Tối rồi sẽ ngủ nữa. »

Cang day qua ngó thấy mẹ thì chảy nước mắt. Tuy thương phận cha, song cũng mến tình mẹ, bởi vậy chàng áo-não trong lòng, không biết liệu lẽ nào cho phải, riu-riu ngồi dậy lau nước mắt rồi đi theo mẹ mà ra ngoài. Chừng mẹ còn ngồi ăn cơm, cô ba Minh mới hỏi:

— Bây giờ nhà cửa phở xá ở dưới con nhứt định lẽ nào?

— Con nhứt định ở dưới.

— Con bỏ má ở trên này có một mình buồn quá.

— Thuở nay con mắc đi học thì má ở nhà cũng có một mình vậy.

— Con còn đi học thì má phải rán má chịu. Bây giờ con học xong rồi, mà mẹ con còn phân cách nhau, ở mỗi người một nơi nữa, sao được.

— Con không thể ở trong nhà này nữa được.

— Sao vậy?

— Con buồn lắm. Hễ về đây con nhớ cha, con không thể sống được.

Cô ba Minh biến sắc, chắc con đã hiểu việc gì rồi, nên cô không dám cãi nữa.

Ấu cơm rồi Cang thỉnh-linh ngó mẹ mà nói: « Hôm nọ con có hỏi má vậy chớ bởi trước ai làm cho cha con buồn rầu đến tự-tử. Má nói má không biết, bởi vì cha không có nói chuyện

gi cho má hiểu biết. Nay con đã biết người ấy rồi. Mà muốn biết hay không? Nếu muốn biết thì con nói cho má biết. »

Cô ba Minh ngồi gục mặt, thưng-thưng đáp: — Thôi, cha con chết đã lâu rồi. Chuyện xira con nhắc lại càng thêm buồn, chớ nhắc làm chi mà nhắc hoài.

— Cha con chết tức quá, không nhắc sao được.

— Chắc là lúc gần chết, cô hai con ghét má rồi kiếm chuyện thù dật sao đó nên con mới nói như vậy đó chớ gì. Con chẳng nên tin...

— Má nghi lầm!... Có hai thương-con lắm. Vì thương con nên không có trở một lời nào về sự cha con chết hết.... Nếu con được biết, ấy là nhờ vong-hồn của cha con hiện về mà nói với con?

Cô ba Minh mặt mày tái lét, trong lòng bối-rối hết sức. Cô sợ con còn nói đi nữa, nên cô lật-đật bỏ đi xuống nhà bếp.

Thấy cũ-chỉ, dòm khí sắc, nghe lời nói, thì đủ biết rõ-ràng cô ba Minh là người có tội. Tuy vậy mà phen làm con có nên chạy theo nắm tay mẹ mà kéo trở lại, đặng hỏi cái tội bắt trung với cha, và cái tội làm nhơ phẩm-giá đàn-bà, rồi lên án mà trừng trị mẹ hay không? Không, không thể làm như vậy được... Mà nếu không làm như vậy, thì có thể nào rửa hờn cho vong-hồn của người xưa chết với một cách rất đau đớn thể-thảm!...

Cang đứng ngó xuống nhà bếp, trong óc nóng hăm như lửa đốt, chàng chịu không được, nên bước ra sân rồi thơ-thần đi xuống đi lên.

Trời tối lơ-mờ. Trí của Cang mù-mịt. Phải liệu lẽ nào? Phải đi đường nào?

(Còn nữa)

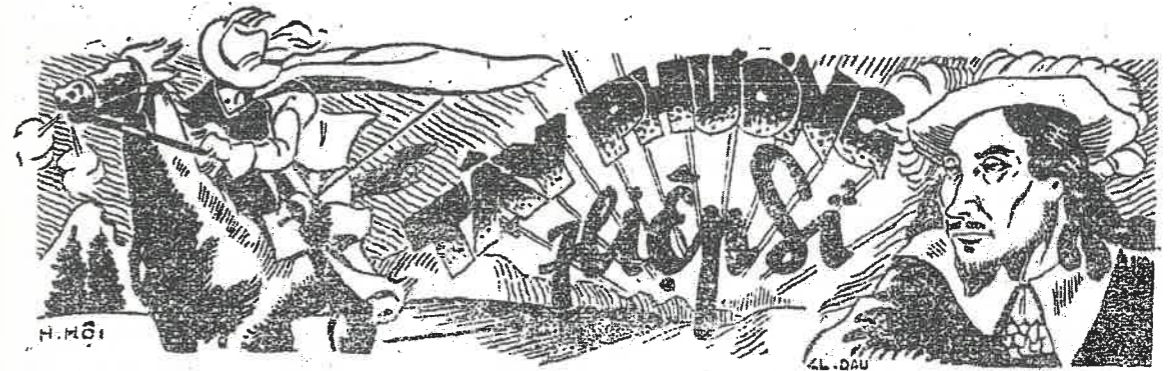
GIẢ BẢO

1 năm	13 \$ 00
6 tháng	7 00
Mỗi số	0 25

D. V. T. C.

1 năm	9 \$ 00
6 tháng	5 00

Mua cả hai thứ một năm 20 \$. Mua báo chỉ phải trả tiền trước. Mandat để cho Quán-ly: Hồ-văn KỸ-Trần



Nội tâm biệt là đúng hơn. Tại làm sao anh không chịu về Blois ở với tôi? Anh bây giờ đã thung-dung, đã giàu có rồi, còn lo chi nữa? Nếu anh muốn thì tôi sẽ mua giùm cho anh một sở đất ở vùng phụ-cận Cheverny hay là Bracieux. Một phía anh thấy cảnh rừng vô-cùng đẹp, chạy qua giáp ranh rừng Chambord; một phía, anh có mấy cái bầu phong-cảnh rất hữu-tình. Anh là người ham săn bắn thì có phụng, có công, có le-le, có bông-bông. Và lại, đâu anh có muốn hay là không muốn, cảnh vui-vẻ êm-đềm, tốt-tươi thanh-nhã, nó cũng khiến cho anh trở nên nhà thi-sĩ, để cho anh vịnh cảnh trời chiều bóng ngả, bơi thuyền thông-thả mặt hồ. Trong khi chờ mua, sở điền nọ thì anh hãy về La Fère ở với tôi, khuya sớm thung-dung, mới gọi là cuộc tiêu-khiến thượng-sách của bạn già như chúng ta.

D'Artagnan cầm tay Athos nói:

— Anh Bà-tước ơi, tôi không nói ừ lại cũng chẳng nói không. Anh hãy để cho tôi ở Paris trong một ít lâu đặng tôi thu-xếp công-việc của tôi cho an-bãi. Ngay bây giờ đây trí tôi lại đang xôn-xao vì một cái ý-nghĩ quá nặng-nề, quá sáng-ang, làm cho tôi lóa mắt, vậy phải để cho tôi có thì-giờ định-tĩnh cái trí tôi lại đã. Anh nghĩ coi, tôi đã giàu mà từ đây cho tới cái ngày tôi nhiệm được thói-quen của nhà giàu thì tôi sẽ khó chịu lắm. Nhưng hôm nay tôi cũng chưa đến nỗi đại mà để cho thiếu tình-nghĩa với một người bạn-thiết như anh. Tôi đã đổi lột, cái áo của tôi mặc rất thật, rực-rỡ mạ vàng, nhưng áo còn mới nó làm cho tôi bực-bộ khó-chịu.

Athos mỉm cười đáp:

— Anh nói nghe cũng phải, mà về chuyện mặc áo đổi lột, anh có bằng lòng cho tôi khuyến anh một lợi chăng?

— Sân lòng.

— Anh giận không?

— Anh em mà giận giống gì!

— Anh để ý coi, người nào tuổi cao tác lớn rồi, thỉnh-linh được giàu-sang, thì tuy nhiên, muốn cho đừng đổi tánh, họ phải hà-liệ, nghĩa là họ không dám xai cho hơn cái số tiền mà họ có khi trước. Còn nếu như họ không hà-tiền thì

KIỂM - HIỆP TIỂU - THUYẾT
do Thân-Văn
◆ Nguyễn-văn-Quý ◆
dịch truyện:
Le Vicomte de Bragelonne
của Alexandre DUMAS

(Tiếp theo)

họ lại xa-xỉ tiền bạc và mang nợ cho đến đời họ nghèo trở lại.

— Lời của anh luận đó không nhằm lý. Trước kia, tôi đã hà-tiền rồi, còn hà-tiền làm chi nữa? Nhưng tôi lại không dám xa-xỉ, vì tôi sợ nợ lắm. Mấy người chủ-nợ không khác quý-sở ở âm-phủ, chúng bắt những kẻ có tội là người mắc nợ, nướng trên lửa đỏ và lăn qua trở lại. Phải kiên-nhẫn lắm mới chịu cái cảnh ấy được, mà tôi thì không có chí kiên-nhẫn, tức-nhiên tôi phải đánh lủ quĩ kia!

— Tôi biết anh là một người hiền, anh không cần ai dạy bảo anh, mà người nào muốn kiếm điều chi-giáo cho anh, tức là người ngông-cường vậy. Ừ, mà chúng ta đã đi tới đường Saint-Honoré thì phải?

— Phải.

— Đó, ở đằng kia, bên phía tay trái, anh dòm thấy cái nhà nhỏ, sơn trắng, là chỗ ngụ của tôi. Vốn-vẹn chỉ có hai tầng lầu. Tôi ở từng lầu thứ nhất, còn tầng kia tôi cho một vị sĩ-quan mượn, nhưng mà người bị công việc ràng buộc phải đi xa cho nên trong một năm, người vắng mặt hết tám chín tháng. Bởi vậy tôi ở đây cũng như ở tại La Fère.

— Anh sắp đặt thật khéo đả! Anh đã có thứ tự lại rộng-rãi. Tôi muốn có hai đức-tánh ấy, mà biết sao bây giờ, những tánh ấy là tánh trời sanh, không phải tập được.

Tôi đây, h' i anh em chia tay. Trong lúc hai anh em nói chuyện thì D'Artagnan luôn-luôn liếc mắt ngó chừng con ngựa đi phía sau trên lưng có cỏ khô phủ mấy bao vàng. Đồng-hồ Saint-Merri đồ chín giờ tối. Bàn-bè của Planchet sắp đóng cửa-liệm. D'Artagnan bảo tên mà-phu đứng ngựa tại góc đường Lombards, rồi kêu một tên bạn trong tiệm nhờ nó giữ hai con ngựa và coi chừng luôn tên mà-phu. Dận-dò xong xuôi, ngài bước vào tiệm thì bấy giờ Planchet đã đứng com vờ rồi về đã vào trong, đứng xem một tấm lịch lộ về lơ-ngại. Va đếm từ ngày và cứ mỗi buổi tối trước khi đi ngủ, lấy viết chì bôi cái ngày vừa qua. Va vừa cầm viết sắp bôi thì D'Artagnan vừa tới ngạch cửa, động tiếng giày.

Planchet day lại thấy ngài liền nói lớn: «Ừ, ngài!» D'Artagnan bước vô lưng khom, còn cặp mắt lơ-đờ. Planchet thấy vậy nghĩ thầm: «Trời ơi, coi bộ ngài buồn quá!»

D'Artagnan ngồi xuống ghế. Bấy giờ, Planchet hỏi-hỏi, trái tim đánh thình thịch hỏi:

— Thưa ngài, hôm nay ngài đã về đây. Ngài mạnh giỏi?

D'Artagnan đáp:

— Cũng khá-khả.

— Tôi chắc ngài không có bị thương?

— Hừ?

Planchet càng lúc càng hỏi-hỏi, nói:

— Theo như thế đó thì tôi đoán thấy cuộc hành-trình của ngài phải lao-khổ lắm.

— Phải, lao-khổ lắm.

Planchet lại rùn mình. Khi ấy nhà hiệp-sĩ ngược lên nói:

— Có rượu, cho ta uống chơi.

Planchet vội-vả bước lại tủ, lấy một ve rượu chất và một cái ly lớn. D'Artagnan nhìn ve rượu hỏi:

— Rượu này là rượu gì?

— Thưa ngài, thứ rượu này là thứ của ngài ưa, thứ rượu chất củ Anjou đó. Bị thứ rượu này mà có lãn tưởng chúng ta đã mang hại rồi.

D'Artagnan nhit một nụ cười buồn-bực hỏi:

— A, vậy ta có còn phải uống rượu ngon nữa chăng?

Sắc mặt Planchet xanh dờn, da mặt nhăn-nhú, toàn thân lại run-rẩy, lộ vẻ rất bồi-hồi lo sợ, nhưng vẫn rắn sức dặng, nói:

— Thưa ngài, ngày trước tôi là chiến-sĩ cho nên tôi mới có can-dảm, mà người có can-dảm không bao giờ nản chí. Bởi vậy xin ngài đừng để cho tôi chịu khổ-tâm thêm nữa. Số vốn của chúng ta đã tiêu hết rồi, phải chăng ngài?

D'Artagnan trầm-ngâm một chút rồi mới trả lời, mà cái phút lặng-thình ấy Planchet xem dường như một thế-kỷ. Ngài gục-gặc đầu và chăm-rải hỏi:

— Nếu như số vốn của chúng ta tiêu-tan đi thì nhà người nghĩ sao?

Sắc mặt Planchet khi này xanh, bây giờ hóa vàng. Cặp mắt và đỏ-âu, còn cổ lại phùng lên dường như và nuốt cái lưỡi vào cuốn họng! Va lăm-thăm nói:

— Hai chục ngàn đồng lưu! Hai chục ngàn đồng lưu, thế mà!...

D'Artagnan ngay cò, ngay chơn ra, hai tay bỏ thông xuống, không khác tượng-bình một người thất vọng. Planchet thở ra nói:

— Thưa ngài việc đã rồi, mành phải tỏ ra mành đáng là người. Đã tiêu thì thôi, nói tới làm chi nữa, miễn ngài cứ được cái mạng sống của ngài là điều cần-thiết hơn hết.

— Phải rồi, mạng sống là quý hơn hết, nhưng bây giờ ta đã nghèo thì mới làm sao đây?

tôi. Tôi để ngài hùn với tôi vì sẽ cùng nhau chia tiền lời. Rồi ngày nào hết lời thì còn những hãnh-nhơn, nho-khó, tiê-khó đó, chúng ta sẽ chia với nhau mà ăn và sẽ cùng nhau gặm miếng phở-mách Hòa-lan cuối-cùng còn lại.

D'Artagnan cầm đồng quả, không thể làm màu nữa được, bèn nói:

— Planchet, người thiệt là một tay hào-hiệp. Này, người có cổ-giã-đồ không? Vậy chờ người không thấy một con ngựa, trên lưng có chở mấy cái bao, đang đứng tại góc đường kia sao?

Planchet tưởng D'Artagnan đã điên, trong lòng đau-đớn, hỏi:

— Thưa ngài, ngựa gì? Bao gì?

D'Artagnan đổi sắc, tươi cười, đáp:

— Bao tiền chở bao, gì?

Planchet đăm đăm nhìn cặp mắt rạng ngời của D'Artagnan thì vừa lui vừa nói:

— Trời ơi!

— Đồ-ngu, người tưởng ta điên sao? Ta nói thiệt, không có lúc nào mà tri-óc của ta sáng-suốt và lòng ta hân-hoan như ngày nay. Thôi, hãy chạy ra khiêng bao vô, Planchet!

— Thưa ngài, bao chi?

D'Artagnan không trả lời, kéo Planchet lại cửa sổ, lấy tay chỉ, hỏi:

(Còn tiếp)

SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI-VIỆT

- 1) Cư Kinh (tiểu thuyết) của Hồ Biểu-Chánh. . . 0,70
 - 2) Pétain Cách Ngôn, Á Đông Triết Lý Hiệp Giải của Đặng-thúc-Liêng và Hồ-văn-Trung. . . 3,00
 - 3) Tiểu Phù-Viên, Hán-Văn, Thi-Văn-toàn tập của Đặng-thúc-Liêng. . . 0,50
 - 4) Nền Luân Lý Việt-Nam của Lê-chí Thiệp. . . 0,50
 - 5) Những lời thường lăm trong sự học Quốc văn của Đông-Hồ và Trúc-Hà. . . 0,50
- Mới xuất bản: Huấn Từ Ca của Nguyễn-viên-Kiều (Có bài tựa của Hồ Biểu-Chánh). . . 0,25
- Đang in: 1) Luận Lý Đạo-Nhò của Trúc-Hà. . . 1,50
- 2) Con nhà Hoang của Thân-Văn Nguyễn-văn-Quí

LƯỢC DỊCH

An Phòng Phá-An Đông-Pháp ngày 24 Jun 1943 đã bắt đơn kháng án của tội-nhơn.

TOÀ PHỨC AN SAIGON

Trích-lục án Tòa Phức-An về việc tiêu-hình.

Chiếu theo đơn của quan Chương-lý Saigon đưng chống cái án Tòa tiêu-hình Phanhiết lên ngày 26-Décembre 1941 đã xử tên ĐỒ-TRUYỀN, 64 tuổi, sanh và cư ngụ tại Khánh-thiên (Bình-thuận).

Tòa Phức-An Saigon (Phòng xử về việc tiêu-hình) đã lên án hiển diện cuối cùng ngày 7 Avril 1942, xử tên ấy HAI THẮNG TỬ TREO và hai ngàn năm trăm quan tiền và về tội trữ nước mắm giả hiệu, và xử phải trả tiền tụng lệ là 6 \$ 34.

Án ấy day phải ấn-hành bốn trích-lục ba lần trong những tờ báo quốc văn xuất-bản tại Saigon (Nam-kỳ) hay tại Trung-kỳ tùy quyền quan Chương-lý chọn lựa, sở phí về phần tội-nhơn phải trả song giá tiền mỗi lần ấn-hành không được trên ba chục đồng-bạc và day phải dán bốn trích-lục tại nhà làng Khánh-thiên (Bình-thuận) và tại cửa tiệm nhà tội-nhơn trong một tuần lễ.

Giới hạn giam thâu định theo cách tối thiểu. Tội-nhơn đã có Ba tiền án.

Trích-lục y theo bốn chánh-án dặng đề lên cho quan Chương-lý.

Thấy mặt quan Lục-sứ Tòa Phức-An: Ký tên: G. MICHEL. (có con dấu)

Thi-hành theo lời thỉnh-cầu của quan Chương-lý.

Quan Đại Luật-sư. Ký tên: M. LEGER. (có con dấu)

Lược dịch y theo bốn trích-lục án. Thông-ngôn hữu thế:

UNG-VAN-THANH.

Chứng dấu ký tên trên đây của M. Ung-vân-Thanh, thông-ngôn hữu thế về tiếng annam tại Tòa-An Saigon.

Saigon, le 2 Septembre 1943: Quan Đầu Phòng-Dịch Văn-Tự.

VÔ PHAM JEAN

Chuyện mỗi tuần

(Tiếp theo trong 12)

Một hôm nọ, ông thân cậu làm bình, cậu đến viếng. « Bữa nay ba bớt chút nào hay chưa? » Cái câu hỏi ấy cậu đọc thuộc lòng cũng, như những câu của người ta tu-ên-thệ trong tòa, đoạn chấp tay xá ngay hướng của ông già năm một cái, rồi lui ra cũng như khi cậu bước đến.

Trong làng xóm ai thấy cứ-chỉ như vậy cũng khen cậu là người tân-học biết giữ lễ-giáo nước nhà.

Sau biết ra, cậu có lạnh hay sợ vi-trùng!

— Anh cũng biết kinh-thành Paris trong mùa đông lạnh là dường nào! Lúc ấy năm năm 1932 nhiều học sanh Annam bên ấy không được cha mẹ châu cấp tiền bạc như trước, vì xứ ta mắc phải nạn kinh-tế.

Nội trong ba anh em bạn học chỉ có tôi còn được vài ngàn quan; nhờ đó, ba anh em lăn-lóc sống chung đặng chờ ngày tốt.

Ông bạn tôi — một thầy dạy khiêu-vũ — vừa thuật vừa chỉ cho tôi một cặp vợ chồng y-phục trang-hoàng mới đi ngang mặt chúng ta, trước một cái từu-lầu lớn nhất trong châu thành. Bạn tôi cho tôi biết một cách cay-dắng rằng ông ấy là một trong ba người bị khổ nơi đất khách khi xưa, nay ông ấy được ngồi trên một cái ghế cao trong tòa xứ. Từ ngày về tôi nay chỉ có gặp bạn tôi lần thứ nhất.

Tôi nhớ rõ-r'ng cái phút ông này đi trước mặt chúng tôi, tay « cặp ấm » với vợ, chỉ có « nường » cặp chơn mây một cái gọi là « chào bạn », làm cho tôi cũng phải « nường » trả lời, mặc dầu chúng tôi không có thói quen ấy.

Cải luân-lý tiểu-học, than ôi! nhiều người đã quên mất đi rồi. Có phải giờ này nên nhắc-nhở nó lại hay không, trong khi ta đi đến đại học rồi. Tuy là tiểu học song nó có ích cho người ta đo lường cái trình-độ luân-lý của mỗi người, có khi đến của cả một xã-hội nữa! NAM-LONG-KY

Thông-chê nói:

« Những người Đông-Pháp có thể nói rằng: « Cái gì của Pháp tức là của ta » mà không sợ trái với nền nếp cũ, không sợ phải ruộng bỏ cái di-sản tinh thần của ta ».